

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Triều.

2. Ông Đỗ Hồng Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1977; HKTT: Số 299A/2426, ấp An B1, xã Mỹ AHA, huyện L, tỉnh Đ; tạm trú: Số 73, ấp An T, huyện Lấp V, tỉnh Đ T; (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bi đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980.; địa chỉ: Số 299A/2426, ấp An B, xã Mỹ An HA, huyện LV, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9//2020 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bùi Thị Đ trình bày: Chị Đ và anh T tự nguyện cưới nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2004. Sau khi kết hôn, chị Đ và anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu về chửi mắng, ngược đãi chị Đ. Nhiều lần chị Đ khuyên ngăn, nhưng anh T không sửa đổi, nên vợ chồng đã thật sự xa nhau từ tháng 7/2020 đến nay. Từ lúc xa nhau đến nay chị Đ và anh T không đến thăm hỏi nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh

T. Quá trình sống chung chị Đ và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005 hiện sinh sống với chị Đ, chị Đ và anh T không tài sản chung và không nợ chung. Nay chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh T, về tài sản chung và nợ chung chị Đ không yêu cầu giải quyết, về con chung chị Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh T và chị Đ cưới nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2004. Sau khi kết hôn, anh T và chị Đ chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên hậu về chửi mắng, ngược đãi chị Đ và chị Đ đã bỏ về cha mẹ sinh sống từ tháng 7/2020 đến nay, nhưng thời gian gần đây anh T không còn đánh và chửi mắng chị Đ nữa. Quá trình sống chung chị Đ và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005 hiện sinh sống với chị Đ, chị Đ và anh T không tài sản chung và không nợ chung. Nay không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Đ, về tài sản chung và nợ chung anh T không yêu cầu giải quyết, về con chung anh T đồng ý cho chị Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005, anh T không cấp dưỡng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Điều và anh Nguyễn Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Bùi Thị Đ xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Đ và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện Lấp Vò, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú tại Số 299A/2426, ấp An B, xã Mỹ An HA, huyện LV, tỉnh ĐT, nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2004, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và

khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, lẽ ra chị Đ và anh T phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau nhiều năm chung sống, chị Đ và anh T đã không làm được điều đó, anh T không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về chửi mắng, ngược đãi chị Đ. Hành động và việc làm của anh T đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, dẫn đến chị Đ không còn chung sống với anh T từ tháng 7/2020 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Đ yêu cầu được ly hôn anh T.

Đối với anh T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T đều thừa nhận là không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về chửi mắng và ngược đãi chị Đ.

Xét thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Đ với anh Nguyễn Ngọc T.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị Đ thống nhất có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005.

Xét thấy khi chị Đ và anh T xa nhau từ tháng 7/2020 đến nay, thì chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chăm sóc con chung chu đáo, cháu Xuyên phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần và đã thắt chặt tình cảm mẹ con, đồng thời cháu Xuyên có nguyện vọng sống với chị Đ nên việc yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con của chị Đ là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận và quyết định giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Do chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Chị Đ và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Đ và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Đ, cho chị Bùi Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 17/7/2005 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị Đ không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Ngọc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019/0009758 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Chị Bùi Thị Đ, anh Nguyễn Ngọc T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã Mỹ An Hưng A (biết);
- Giấy CNKH số 45 ngày 19/7/2004;
- Đ/s: Đ, T;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quan Nam